

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2018

V/v: Ly hôn, nuôi con chung,
trả nợ chung

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Tháo

2. Bà Nông Thị Tuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Na Rì, Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Nông Thiêm Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị L, sinh năm 1981, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thu Chung
- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn V, sinh năm 1979, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giá Mã T - Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N (theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án và quyết định số 08/QĐ-NHCS, ngày 08/01/2018 của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh Nông Văn V vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh V tại thôn B, xã C. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó đến năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh V hay uống rượu, khi say rượu về hay chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị L. Năm 2012 anh V có hành vi bạo lực gia đình và bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 02 năm. Sau khi trở về anh V vẫn không thay đổi mà còn uống rượu nhiều hơn. Mọi việc lớn nhỏ trong gia đình đều do một mình chị L lo liệu, anh V không có trách nhiệm giúp đỡ, chia sẻ công việc với chị L, không quan tâm đến con cái. Chị L và gia đình đã khuyên can nhưng anh V vẫn không thay đổi, suốt ngày rượu chè. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung là Nông Thị Thu T, sinh ngày 24/8/2002 và Nông Thị Cẩm L, sinh ngày 10/01/2005. Ly hôn, chị L chịu trách nhiệm nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L, anh V có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền 37.000.000,đ, ly hôn chị L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2018, biên bản hòa giải ngày 30/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nông Văn V nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn là chị L về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và số con chung. Anh V trình bày thêm, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng nhìn chung bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Anh V thừa nhận việc mình hay uống rượu và năm 2012 phải đi vào cơ sở giáo dục bắt buộc vì hành vi bạo lực gia đình với thời hạn 02 năm. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh V, anh V không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị L. Anh V mong muốn chị L quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con.

Về con chung: Như chị L trình bày là đúng, nếu phải ly hôn chị L phải chịu trách nhiệm nuôi 02 con, anh V không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày là đúng, nếu ly hôn chị L phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng CSXH huyện N.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2018, ý kiến trong biên bản hòa giải ngày 30/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh Bắc Kạn, phòng giao dịch huyện N trình bày:

Gia đình anh Nông Văn V, chị Nông Thị L hiện nay còn dư nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền 37.000.000,đ. Người đứng tên đại diện hộ vay vốn là chị L, người thừa kế là anh V, vay theo chương trình cho vay hộ nghèo. Nếu chị L, anh V ly hôn, Ngân hàng chính sách xã hội huyện N đồng ý với ý kiến của chị L về

việc chị L tự chịu trách nhiệm trả số tiền nợ 37.000.000,đ cho Ngân hàng và yêu cầu chị L thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh V; về con chung đề nghị HĐXX giao cháu Nông Thị Thu T và Nông Thị Cẩm L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 37.00.000,đ cho Ngân hàng CCSXH huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, nghĩa vụ trả nợ chung. Bị đơn anh Nông Văn V cư trú tại xã C, huyện N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Tòa án nhân dân huyện Na Rì xét xử vắng mặt đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, vì đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Nông Văn V kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải đề hai bên trở về đoàn tụ, nhưng chị L vẫn yêu cầu được ly hôn, còn anh V không nhất trí ly hôn, vì vẫn còn tình cảm với chị L, anh V mong muốn chị L quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng quá trình vợ chồng chung sống giữa chị L với anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh V hay uống rượu. Khi say rượu anh V có hành vi đánh đập, chửi mắng, xúc phạm, bạo lực gia đình đối với chị L. Năm 2012 anh V đã bị Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 02 năm theo Quyết định số 1670 ngày 12/10/2012. Sau khi anh V chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính trở về địa phương thì anh V vẫn không thay đổi mà còn uống rượu nhiều hơn, không có trách nhiệm với vợ con, không chia sẻ công việc gia đình với chị L. Do đó, cuộc sống vợ chồng chị L, anh V không hạnh phúc do anh V có hành vi bạo lực gia đình. Như vậy, có căn cứ về việc anh V hay uống rượu và say rượu, có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân giữa anh V với chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Chị L, anh V đều thống nhất, vợ chồng có 02 con chung là Nông Thị Thu T, sinh ngày 24/8/2002 và Nông Thị Cẩm L, sinh ngày 10/01/2005, ly hôn chị L chịu trách nhiệm nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Cả 02 con chung đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy cần giao các con chung là cháu Nông Thị Thu T và Nông Thị Cẩm L cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L, anh V có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền 37.000.000,đ. Ly hôn, chị L anh V thống nhất chị L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt cũng nêu ý kiến nhất trí với thỏa thuận của chị L, anh V về nghĩa vụ trả nợ trong biên bản hòa giải ngày 30/8/2018.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tham gia giải quyết vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ để đánh giá rằng cuộc sống chung giữa chị L và anh V hết sức nặng nề, hôn nhân không êm ấm, không hạnh phúc. Cuộc sống của chị L là những tháng ngày cam chịu, nhin nhục vì con cái với mong muốn anh V sẽ thay đổi. Nhưng trái với mong muốn của chị L, anh V ngày càng quá đáng, thường xuyên say rượu, không chia sẻ công việc, chăm sóc nuôi dạy con cái, đã thế lại còn đòn roi, bạo lực vũ phu. Sống với anh V, chị L đau đớn nhận ra là chưa từng biết hạnh phúc là gì. Việc anh V có hành vi vũ phu, bạo lực gia đình đã phải có sự can thiệp của cơ quan nhà nước là năm 2012 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn đã ra Quyết định xử lý hành chính với hình thức đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 02 năm đối với anh V. Như vậy, có cơ sở để kết luận anh V có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L đối với anh V. Về con chung giao các con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nợ chung chị L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng CSXH huyện N. Về án phí, chị L liên có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị L thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và chị L đã có đơn xin miễn án phí, miễn án phí cho chị L theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung, trả nợ chung của chị Nông Thị L đối với anh Nông Văn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L được ly hôn anh Nông Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung là Nông Thị Thu T, sinh ngày 24/8/2002 và Nông Thị Cẩm L, sinh ngày 10/01/2005 cho chị Nông Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị L không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nông Thị L chịu trách nhiệm trả khoản vay gốc 37.000.000,đ (ba mươi bảy triệu đồng) và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, phòng giao dịch huyện N theo hợp đồng tín dụng đã ký.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nông Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 01198, ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03b);
- VKSND huyện (02b);
- TAND tỉnh (01b);
- THA Dân sự huyện (01b);
- UBND xã C (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA (01b).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thanh Bình